

TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp

Thực hiện chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2018, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 28/2015/NĐ-CP). Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã xin ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và một số doanh nghiệp, tổ chức, người lao động; sau khi tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị định (*dự thảo Nghị định kèm theo*), Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trình Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 28/2015/NĐ-CP

Thực hiện Luật Việc làm được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Sau hơn gần 4 năm triển khai thực hiện, chính sách đã đạt được kết quả như sau:

- Tham gia và đóng bảo hiểm thất nghiệp:

Số lượng người tham gia và đóng bảo hiểm thất nghiệp tăng qua các năm và đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao: năm 2015 có 10.308.180 người tham gia tăng 11,8% so với năm 2014; năm 2016 có 11.061.562 người tham gia tăng 7,3% so với năm 2015 và năm 2017 có 11.772.742 người tham gia tăng 6,4% so với năm 2016. Tổng số tiền thu bảo hiểm thất nghiệp năm 2017 là 13.517 tỷ đồng, tăng 15,2% so với tổng số tiền thu năm 2016 (11.728 tỷ đồng).

Biểu 1: Tình hình tham gia và đóng bảo hiểm thất nghiệp

Đơn vị tính: người, tỷ đồng

Nội dung	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	5.993.300	7.206.163	7.968.231	8.269.552	8.691.392	9.219.753	10.310.210	11.061.562	11.772.742
Tổng số tiền thu bảo hiểm thất nghiệp	3.510,6	5.148,3	6.656,2	8.675,6	10.434,6	11.995,6	9.939,5	11.728	13.517

(Nguồn: báo cáo số liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

Theo quy định tại Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn thì Ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp tối đa 1% quỹ tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp khi kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp thấp hơn 2 lần tổng chi bảo hiểm thất nghiệp của năm trước liền kề. Hiện nay, do kết dư của Quỹ bảo hiểm thất nghiệp lớn nên năm 2015, năm 2016 và một số năm tiếp theo, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp không có sự hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước mà tổng thu bảo hiểm thất nghiệp trong năm chỉ bao gồm phần đóng của người lao động và người sử dụng lao động theo quy định.

- *Tiếp nhận và giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp*

Biểu 2: Tình hình tiếp nhận và giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp

Đơn vị tính: người

TT	NỘI DUNG	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm	125.562	215.498	342.145	397.338	457.273	463.859	910.448	1.113.934
	<i>Số người được GTVL</i>		17.240	70.656	106.600	125.736	115.199	144.624	138.719
2	Số người được hỗ trợ học nghề	270	1.036	4.763	10.610	19.796	24.363	28.537	34.723
3	Số người nộp hồ sơ hưởng TCTN	162.711	295.416	432.356	464.573	516.483	527.332	592.440	680.310
4	Số người có Quyết định hưởng TCTN	156.765	289.181	421.048	454.839	514.853	526.309	586.254	671.789

(Nguồn: tổng hợp số liệu tình hình thực hiện BHTN của các địa phương)

+ *Tư vấn, giới thiệu việc làm:*

Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm ngày càng được các trung tâm dịch vụ việc làm chú trọng và cải tiến quy trình thực hiện nên số người được tư vấn, giới thiệu việc làm có xu hướng tăng theo từng năm và chiếm tỷ lệ khá cao so với số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp: năm 2015 có 463.859 người được tư vấn, giới thiệu việc làm (bằng 89% so với số người hưởng trợ cấp thất nghiệp), từ năm 2016 trở đi người lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp đều được tư vấn, giới thiệu việc làm (trong đó số người được giới thiệu việc làm chiếm hơn 20% so với tổng số người được tư vấn, giới thiệu việc làm).

+ *Hỗ trợ học nghề*

Theo báo cáo của các Trung tâm dịch vụ việc làm, tất cả những người thất nghiệp có nguyện vọng học nghề đều được tổ chức để hỗ trợ học nghề theo đúng quy định của pháp luật. Công tác hỗ trợ học nghề đã có những chuyển biến tích cực, số người được hỗ trợ học nghề có xu hướng tăng nhanh sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 77/2014/QĐ-TTg: năm 2015 có 24.363 người được hỗ trợ học nghề (tăng 23% so với năm 2014), đến năm 2017 số người được hỗ trợ học nghề là 34.723 người (tăng 21% so với năm 2016).

+ *Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động*

Theo báo cáo của các địa phương, không có người sử dụng lao động hưởng

chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động do một số nguyên nhân như: Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không gặp khó khăn do suy giảm kinh tế hoặc vì lý do bất khả kháng khác theo quy định để được hưởng chế độ này. Mặt khác, đây là một chế độ mới, quy định về điều kiện hưởng chế độ này tương đối cao cũng là lý do người sử dụng lao động khó tiếp cận chế độ này.

+ Tiếp nhận và giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp

Số người hưởng trợ cấp thất nghiệp: Theo báo cáo của các địa phương, số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp tăng hàng năm, tỷ lệ tăng bình quân 12,5%: nếu năm 2015 có 526.309 người hưởng trợ cấp thất nghiệp thì năm 2016 đã có 586.254 người hưởng trợ cấp thất nghiệp (tăng 11% so với năm 2015), đến năm 2017 có 671.789 người hưởng trợ cấp thất nghiệp (tăng 14% so với năm 2016).

Cấp thẻ bảo hiểm y tế: 100% người lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp đều được cơ quan bảo hiểm xã hội cấp thẻ bảo hiểm y tế theo đúng quy định hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có thể khám chữa bệnh và sớm trở lại thị trường lao động.

- Chi trả các chế độ bảo hiểm thất nghiệp

Do số người được hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp tăng dẫn đến tổng tiền chi cho các chế độ bảo hiểm thất nghiệp tăng: năm 2015 tổng chi các chế độ bảo hiểm thất nghiệp là 4.882,9 tỷ đồng (tăng 1,3% so với năm 2014), năm 2016 là 5.171 tỷ đồng (tăng 5,9% so với năm 2015) thì đến năm 2017 là 7.831 tỷ đồng (tăng 36,31% so với năm 2016) trong đó chi cho trợ cấp thất nghiệp chiếm 94,3%, chi hỗ trợ học nghề chiếm 0,8%, chi bảo hiểm y tế chiếm 4,9% so với tổng chi cho các chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp tính đến cuối năm 2017 là **67.320 tỷ đồng**, dự báo đến năm 2020, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp vẫn đảm bảo an toàn.

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp trong Luật việc làm được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển chính sách bảo hiểm thất nghiệp trong Luật Bảo hiểm xã hội vì vậy về cơ bản đã khắc phục được những hạn chế của chính sách cũ, đưa chính sách bảo hiểm thất nghiệp trở thành một trong các chính sách quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội, có tác động trực tiếp tới người lao động, người sử dụng lao động và được người sử dụng lao động, người lao động đón nhận một cách tích cực, được dư luận xã hội đánh giá là một trong những chính sách thiết thực, không thể thiếu trong cuộc sống.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số vấn đề dẫn đến cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số 28/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương, Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020: Một trong những mục tiêu mà Nghị quyết số 35/NQ-CP đề ra là rà soát, đề xuất chế độ bảo hiểm xã hội (bao gồm cả bảo hiểm thất nghiệp) hợp lý, hài hòa lợi ích của người lao động, doanh nghiệp và xã hội để doanh nghiệp thích ứng và sử dụng lao động phù hợp.

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội: Một trong những mục tiêu mà Nghị quyết số 28-NQ/TW đề ra là sửa đổi, bổ sung chính sách bảo hiểm thất nghiệp, chính sách việc làm theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động duy trì việc làm, bảo đảm quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp và người lao động.

Như vậy, 02 Nghị quyết nêu trên đều có mục tiêu chung là rà soát, sửa đổi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo hướng tăng cường hỗ trợ người sử dụng lao động và thông qua người sử dụng lao động để hỗ trợ người lao động. Tuy nhiên, theo báo cáo của các địa phương, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có người sử dụng lao động được nhận chế độ hỗ trợ, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động. Nguyên nhân là do điều kiện hưởng còn tương đối cao và hiếm khi xảy ra nên chưa có người sử dụng nào đáp ứng đủ điều kiện để được hỗ trợ. Vì vậy, trước mắt để thực hiện mục tiêu Nghị quyết đề ra và để chính sách mang tính thiết thực, đi vào cuộc sống thì cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến chế độ này để người sử dụng lao động có thể tiếp cận và đáp ứng được điều kiện để được hỗ trợ. Về lâu dài, cần hoàn thiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp duy trì việc làm, hạn chế sa thải, tuyển dụng lao động thất nghiệp dài hạn khó tìm việc làm như thông lệ các nước.

Ngoài ra, để thực hiện Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 09/2/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến lý lịch tư pháp và yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thì đối với nhóm thủ tục đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp và đề nghị hỗ trợ học nghề trong thành phần hồ sơ đề nghị hưởng 02 chế độ này người lao động không bắt buộc phải nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực của một trong các giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc mà có thể nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu nhằm giảm bớt thủ tục hành chính (thủ tục chứng thực) cho người lao động. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định về thành phần hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp và hỗ trợ học nghề cho phù hợp với Quyết định.

2. Thực hiện theo kiến nghị của Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản)

Bộ Tư pháp cho rằng tại Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện

Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP có một số quy định chưa phù hợp với Luật Việc làm và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP như: hủy quyết định hỗ trợ học nghề, các trường hợp được coi là từ chối nhận việc làm mà không có lý do chính đáng, các trường hợp không phải thông báo và không phải trực tiếp thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng,... Các quy định này xuất phát từ yêu cầu thực tiễn để đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của người lao động và thực hiện chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính mà Đảng và nhà nước đã đề ra. Tuy nhiên, để phù hợp với Luật Việc làm thì các nội dung nêu trên cần phải quy định trong Nghị định của Chính phủ.

3. Một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện

3.1. Đóng bảo hiểm thất nghiệp

- Đối với đối tượng người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng không hưởng tiền lương tháng tại đơn vị mà hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội:

Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP thì người lao động hưởng chế độ thai sản hoặc ốm đau từ 14 ngày trở lên không hưởng tiền lương tại đơn vị mà hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội không được tham gia bảo hiểm thất nghiệp (không phải là quy định trong Luật Việc làm).

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Luật Bảo hiểm xã hội thì thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội, người lao động và người sử dụng lao động không phải đóng bảo hiểm xã hội.

Ngoài ra, hiện nay Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động trong đó quy định thời gian làm căn cứ tính hưởng trợ cấp thôi việc, mất việc làm không bao gồm thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản.

Như vậy, quy định tại Nghị định số 28/2015/NĐ-CP không đồng nhất với các quy định của pháp luật có liên quan, ảnh hưởng quyền lợi của người lao động.

- Đối với đối tượng lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định

Hiện nay, theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội thì trường hợp lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con theo quy định mà có hưởng lương thì người lao động và người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn chưa quy định về trường hợp này dẫn đến sự không thống nhất trong quá trình thực hiện (có đơn vị không thu bảo hiểm thất nghiệp vì coi đó là thời gian người lao động nghỉ sinh theo chế độ bảo hiểm xã hội

nên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp, có đơn vị thu vì người lao động đã hưởng tiền lương nên thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp).

- *Quy định về người đang đóng bảo hiểm thất nghiệp:*

Hiện nay, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP đã có hướng dẫn cụ thể các trường hợp được coi là đang đóng bảo hiểm thất nghiệp nhưng chưa đầy đủ, thống nhất với thời gian người lao động không phải đóng bảo hiểm thất nghiệp dẫn đến ảnh hưởng quyền lợi của người lao động (trường hợp người lao động có tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc nghỉ không hưởng lương từ 14 ngày làm việc trở lên không được coi là người đang đóng bảo hiểm thất nghiệp. Trong khi theo quy định thì thời gian này người lao động không phải đóng bảo hiểm thất nghiệp)

- *Thời gian đóng để xét hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động trong trường hợp người sử dụng lao động nợ đóng bảo hiểm thất nghiệp*

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Luật Việc làm thì sau khi chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp, thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trước đó của người lao động không được tính trợ cấp thất nghiệp cho lần tiếp theo.

Như vậy, theo quy định nêu trên nếu người lao động có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trước khi hưởng trợ cấp thất nghiệp mà chưa được xác nhận trong sổ bảo hiểm xã hội do người sử dụng lao động chậm đóng hoặc trốn đóng bảo hiểm thất nghiệp hoặc do cơ quan bảo hiểm xã hội chưa thực hiện gộp sổ bảo hiểm xã hội hoặc cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận thiếu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động thì sau khi người sử dụng lao động đóng số tiền chậm đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội đối với trường hợp nợ đóng hoặc cơ quan bảo hiểm xã hội điều chỉnh lại thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp đối với trường hợp gộp sổ và xác nhận sai thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp, thời gian này không được coi là thời gian chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp. Quy định này mâu thuẫn với quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Việc làm và gây thiệt hại về quyền lợi cho người lao động.

3.3. Các chế độ bảo hiểm thất nghiệp

a) *Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động*

- Về điều kiện hưởng:

+ Các trường hợp được coi là bất khả kháng: Một trong những nguyên nhân chưa có người sử dụng lao động nào được hưởng chế độ này là do các trường hợp được coi là bất khả kháng theo quy định tại Nghị định 28/2015NĐ-CP hiếm khi xảy ra nên người sử dụng lao động khó tiếp cận và đáp ứng đủ điều kiện hưởng.

+ Điều kiện về số lao động cắt giảm:

Theo thống kê của Hiệp hội Doanh nghiệp, hiện nước ta có gần 600.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm khoảng 97,5% tổng số doanh nghiệp đang hoạt

động thực tế. Trong khi theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (thay thế Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009) thì doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm tối đa 200 người, doanh nghiệp nhỏ là 100 người. Như vậy, với điều kiện về số lao động cắt giảm để được hỗ trợ như hiện nay thì nhiều doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ không thể đáp ứng để được hỗ trợ. Ngoài ra, theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP thì số lao động tối đa đối với doanh nghiệp có quy mô vừa đã được sửa đổi so với quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP từ 300 người xuống 200 người. Do đó, quy định người sử dụng lao động có 300 lao động để làm mốc phân định số lao động cắt giảm trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ với các doanh nghiệp có quy mô khác tại Nghị định 28/2015/NĐ-CP không phù hợp với pháp luật liên quan.

- Về mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ hiện nay (01 triệu đồng/người/tháng) chỉ mới đáp ứng được với chi phí học các nghề đơn giản như may căn bản, sửa chữa xe gắn máy, điện dân dụng,.... Mặt khác, đây là mức học phí tại các cơ sở đào tạo nghề công lập, nơi mà có giảng viên cơ hữu hưởng lương từ ngân sách nhà nước và được Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề, còn tại các cơ sở đào tạo nghề ngoài công lập thì mức học phí này còn cao hơn rất nhiều trong khi thời điểm người sử dụng lao động được hỗ trợ là thời điểm đang khó khăn về tài chính, không đủ kinh phí để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động. Bên cạnh đó, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cũng đang trình Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 77/2014/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo đó mức hỗ trợ học nghề đã nâng lên 1,5 triệu đồng/người/tháng để tăng cường hỗ trợ và khuyến khích người lao động tham gia học nghề. Do đó, mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động hiện nay chưa đáp ứng được học phí học nghề thực tế và chưa tương đồng với chính sách hỗ trợ học nghề cho người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

b) Tư vấn, giới thiệu việc làm

Để thực hiện được hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm thì trung tâm dịch vụ việc làm cần phải thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu về: chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, bảo hiểm thất nghiệp; thông tin thị trường lao động, giáo dục nghề nghiệp; thông tin về vị trí việc làm trống, nhu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định 28/2015/NĐ-CP thì kinh phí tư vấn, giới thiệu việc làm chỉ chi cho hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm mà không chi cho các hoạt động có liên quan, là tiền đề để thực hiện có hiệu quả hoạt động này. Ngoài ra, hiện nay theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thì “phí dịch vụ công” được đổi thành “giá dịch vụ công” và được xác định trên định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Do đó, quy định về phí tư vấn, giới thiệu việc làm tại

Nghị định 28/2015/NĐ-CP không còn phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

c) Hỗ trợ học nghề

- Về thời hạn giải quyết: Theo quy định tại Điều 55 Luật Việc làm thì điều kiện được hỗ trợ học nghề là “chưa tìm được việc làm sau 15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề”. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 của Nghị định 28/2015/NĐ-CP thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề, trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm xem xét, trình Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định về việc hỗ trợ học nghề cho người lao động. Như vậy, theo quy định nêu trên ngày ban hành quyết định trước cả ngày người lao động đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ học nghề, điều này là không phù hợp. Do đó, cần phải có sự sửa đổi, bổ sung về thời hạn giải quyết hỗ trợ học nghề.

- Hiện nay, số người tham gia học nghề đặc biệt là số người hoàn thành khóa học nghề được hỗ trợ chiếm tỷ lệ không cao so với số người hưởng trợ cấp thất nghiệp. Một trong các nguyên nhân là do nghề được hỗ trợ chưa đa dạng, phong phú, thêm vào đó, trong quá trình học nghề, người thất nghiệp cũng không được hỗ trợ bất kỳ một chi phí nào khác trong điều kiện không có thu nhập do đang bị mất việc làm cũng là một khó khăn dẫn tới tình trạng người lao động không có nhu cầu học nghề.

d) Trợ cấp thất nghiệp

- Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp:

+ Hiện nay, trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp phát sinh một số trường hợp mà người lao động không thể có một trong các văn bản xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định 28/2015/NĐ-CP để hoàn thiện hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp như: trường hợp người lao động tại các doanh nghiệp có chủ bỏ trốn hoặc người quản lý doanh nghiệp tại các doanh nghiệp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng doanh nghiệp trong khi thực tế người lao động đã bị mất việc làm, dẫn đến ảnh hưởng tới quyền lợi của người lao động.

- Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp

+ Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội thì từ ngày 01/01/2018 người lao động giao kết hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc từ đủ 01 tháng trở lên là đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị định 28/2015/NĐ-CP thì người lao động phải giao kết hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc từ đủ 03 tháng trở lên mới được coi là có việc làm. Do đó, quy định thế nào được coi là có việc làm chưa có sự đồng nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

+ Theo quy định tại Nghị định số 28/2015/NĐ-CP thì người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp mà có việc làm; thực hiện nghĩa vụ quân sự,

nghĩa vụ công an; đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên thì có nghĩa vụ thông báo theo quy định với trung tâm dịch vụ việc làm và thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với thời gian còn lại mà người lao động chưa nhận trợ cấp thất nghiệp được bảo lưu làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần hưởng trợ cấp thất nghiệp tiếp theo. Tuy nhiên, trong thực tế triển khai xảy ra nhiều trường hợp người lao động thuộc các trường hợp này nhưng không thông báo theo quy định mà vẫn tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc quá thời hạn thông báo theo quy định mới thông báo cho trung tâm dịch vụ việc làm để thực hiện bảo lưu. Tuy nhiên, vì thời điểm phát hiện ra hành vi vi phạm thường sau thời điểm chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định nên thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ thời điểm chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp vẫn được bảo lưu. Như vậy, theo Nghị định số 28/2015/NĐ-CP thì người lao động nếu không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định sẽ vẫn được bảo đảm quyền lợi, đây là điều bất hợp lý trong quá trình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp.

- Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp

Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp cho người lao động gặp nhiều phát sinh vướng mắc như trường hợp người lao động chuyển nơi hưởng quá thời hạn theo quy định, người lao động có nhu cầu chuyển hưởng nhiều lần hoặc chuyển hưởng trong thời gian tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp dẫn đến sự không thống nhất khi tổ chức thực hiện.

3.4. Quyền, trách nhiệm của người sử dụng lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội

Nghị định chưa quy định thời hạn người sử dụng lao động phải thực hiện thủ tục xác nhận về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động dẫn đến trong thực tế có một số trường hợp người lao động bị quá hạn nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề, ảnh hưởng quyền lợi người lao động.

Hiện nay, việc thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề do người lao động hưởng sai quy định rất khó khăn vì người lao động thường không hợp tác hoặc thay đổi địa điểm cư trú. Do đó, để hoạt động thu hồi có hiệu quả cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và người sử dụng lao động mới của người lao động. Tuy nhiên, trong dự thảo Nghị định chưa quy định về vấn đề này.

Từ thực trạng nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 28/2015/NĐ-CP là rất cần thiết và hướng vào ba mục tiêu cụ thể sau:

Một là, thực hiện chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và nhà nước

Hai là, khắc phục những vấn đề chưa phù hợp, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế đặt ra trong việc tổ chức thực hiện chính sách.

Ba là, đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, các quy định của bảo hiểm thất nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam và phù hợp với

kinh nghiệm của các nước đã thực hiện thành công chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên thế giới.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập gồm thành viên là Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo và chuyên viên một số đơn vị của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan, đồng thời tổ chức các cuộc họp để lấy ý kiến của các chuyên gia, đối tượng có liên quan về dự thảo Nghị định; đăng tải nội dung dự thảo Nghị định trên trang thông tin điện tử của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến, đồng thời xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

III. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 28/2015/NĐ-CP

Dự Thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung gồm 4 điều, trong đó:

1. Điều 1 của Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP tập trung vào những vấn đề sau:

- Về đóng bảo hiểm thất nghiệp

+ Bổ sung quy định về các trường hợp được coi là người đang đóng bảo hiểm thất nghiệp bao gồm cả trường hợp người lao động có tháng liền trước của tháng có ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc nghỉ việc không hưởng lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

+ Bổ sung quy định thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên không hưởng tiền lương tháng tại đơn vị mà hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội được tính là thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp.

+ Bổ sung quy định về thời gian đóng để xét hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động trong trường hợp người lao động có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trước khi hưởng trợ cấp thất nghiệp mà chưa được xác nhận trong sổ bảo hiểm xã hội do người sử dụng lao động chậm đóng hoặc trốn đóng bảo hiểm thất nghiệp hoặc do cơ quan bảo hiểm xã hội chưa thực hiện gộp sổ bảo hiểm xã hội hoặc cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận thiếu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động theo hướng coi đây là thời gian chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp để làm căn cứ tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần tiếp theo khi đủ điều kiện theo quy định.

- Về các chế độ bảo hiểm thất nghiệp

+ Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

* Sửa đổi, bổ sung điều kiện hưởng chế độ này theo hướng mở rộng các trường hợp được coi là bất khả kháng như: Cơ quan có thẩm quyền xác định về quá trình sản xuất của đơn vị gây ô nhiễm môi trường; Cơ quan có thẩm quyền xác định về quá trình sản xuất của đơn vị làm ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng; Thực hiện chủ trương đã được hoạch định bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc phải thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh.

* Nâng mức hỗ trợ từ 01 triệu đồng/người/tháng lên 1,5 triệu đồng/người/tháng.

+ Hỗ trợ học nghề

* Sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn ban hành quyết định hỗ trợ học nghề từ 15 ngày lên 20 ngày để phù hợp với điều kiện được hỗ trợ học nghề.

* Sửa đổi, bổ sung nghề được hỗ trợ theo hướng đa dạng hóa hơn so với quy định tại Nghị định 28/2015/NĐ-CP, theo đó người lao động sẽ không chỉ được hỗ trợ khi tham gia học các nghề trong danh mục nghề theo quy định mà còn được hỗ trợ khi tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề. Ngoài ra, khi kết thúc khóa học nghề và được nhận văn bằng hoặc chứng chỉ nghề, người lao động sẽ được hỗ trợ chi phí đi lại.

+ Tư vấn, giới thiệu việc làm

* Sửa đổi, bổ sung quy định về kinh phí tư vấn, giới thiệu việc làm để phù hợp với Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

* Sửa đổi, bổ sung quy trình tư vấn, giới thiệu việc làm theo hướng lồng ghép các hoạt động có liên quan như thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu về: chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, bảo hiểm thất nghiệp; thông tin thị trường lao động, giáo dục nghề nghiệp; thông tin về vị trí việc làm trống, nhu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động.

+ Trợ cấp thất nghiệp

* Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp: Bổ sung quy định về văn bản xác nhận việc chấm dứt hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc và hình thức văn bản (người lao động có thể lựa chọn nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu).

* Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp

Sửa đổi, bổ sung quy định thế nào được coi là có việc làm để đồng nhất với đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội: người lao động giao kết hợp đồng lao động từ 01 tháng trở lên để hỗ trợ đúng đối tượng thất nghiệp.

Bổ sung quy định người lao động bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng không được bảo lưu do có việc làm, thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an và đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên nhưng không thực hiện thông báo theo quy định với trung tâm dịch vụ việc làm.

* Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp

Bổ sung quy định chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với trường hợp quá hạn nộp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp; Chuyển hưởng trong thời gian tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp và chuyển hưởng trong trường hợp người lao động có nhiều lần chuyển hưởng.

- Về trách nhiệm của người sử dụng lao động,

Bổ sung quy định về thời hạn thực hiện thủ tục xác nhận việc đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; trách nhiệm phối hợp với cơ quan lao động để thu hồi số tiền hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp không đúng quy định của người lao động.

2. Điều 2 của dự thảo Nghị định quy định về một số điều khoản bãi bỏ.

3. Điều 3 của dự thảo Nghị định quy định về hiệu lực thi hành.

3. Điều 4 của dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm thi hành.

IV. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sẽ tiếp thu, giải trình khi có ý kiến tham gia của các Bộ, ngành có liên quan.

V. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sẽ tiếp thu, giải trình khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN CỦA CHÍNH PHỦ

(Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sẽ xin ý kiến của Chính phủ về các vấn đề phát sinh trong quá trình xây dựng Nghị định.).

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, VL.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung